Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7004.90.10

Mã HS	7004.90.10
Mô tả hàng hóa	Kính kéo và kính thổi, ở dạng tấm, đã hoặc chưa tráng lớp hấp thụ, lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu, nhưng chưa gia công cách khác / - Loại kính khác: / - - Kính quang học, chưa được gia công về mặt quang học
Đơn vị	m2/chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 18:37:42
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/70049010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10461
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10461
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10461
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9938
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9889
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9889
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9889
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9889
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9889
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9889
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9941
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9941
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9941

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9941
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9941
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9941
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9942
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9942
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9942
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9942
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9942
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9942
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9943
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9895
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F9901
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G9901
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H9901
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I9901
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J9901
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K9901
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9926
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9926
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9926
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9926
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9926
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9926
VCFTA	2022	2022	5	VC!D9973
VCFTA	2023	2023	5	VC!E9973
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9973

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9973
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9973
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9973
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9964
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9964
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9964
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9964
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9964
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9964
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D9964
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E9964
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F9964
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G9964
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H9964
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9964
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D9975
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E9975
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F9975
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9975
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9975
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9975
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D9974
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E9974
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F9974
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9974
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9974

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9974
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9921
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9921
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9921
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9921
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9921
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9921
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9921
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9958
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9958
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9958
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9958
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9958
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9958
RCEP B	2022	2022	0	B!D9958
RCEP B	2023	2023	0	B!E9958
RCEP B	2024	2024	0	B!F9958
RCEP B	2025	2025	0	B!G9958
RCEP B	2026	2026	0	B!H9958
RCEP B	2027	2027	0	B!I9958
RCEP C	2022	2022	0	C!D9958
RCEP C	2023	2023	0	C!E9958
RCEP C	2024	2024	0	C!F9958
RCEP C	2025	2025	0	C!G9958
RCEP C	2026	2026	0	C!H9958
RCEP C	2027	2027	0	C!I9958

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D9957
RCEP D	2023	2023	0	D!E9957
RCEP D	2024	2024	0	D!F9957
RCEP D	2025	2025	0	D!G9957
RCEP D	2026	2026	0	D!H9957
RCEP D	2027	2027	0	D!I9957
RCEP E	2022	2022	0	E!D9961
RCEP E	2023	2023	0	E!E9961
RCEP E	2024	2024	0	E!F9961
RCEP E	2025	2025	0	E!G9961
RCEP E	2026	2026	0	E!H9961
RCEP E	2027	2027	0	E!I9961
RCEP F	2022	2022	0	F!D9958
RCEP F	2023	2023	0	F!E9958
RCEP F	2024	2024	0	F!F9958
RCEP F	2025	2025	0	F!G9958
RCEP F	2026	2026	0	F!H9958
RCEP F	2027	2027	0	F!I9958
VIFTA	2024	2024	4,3	VI!F9208
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G9208
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H9208
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I9208

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7004.90 có 3 dòng thuế; dòng 7004.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Kính quang học, chưa được gia công về mặt quang học.	7004.90.20 Loại khác, hình vuông hoặc hình chữ nhật, đã hoặc chưa cắt một hoặc nhiều góc (SEN); 7004.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7004.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 7004.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10461), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.